

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tạm thời về chính sách khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/01/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 152/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2007/NQ-CP ngày 06/02/2007 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2007; Nghị định số 54/2005/NĐ-CP ngày 19/4/2005 của Chính phủ về chế độ thôi việc, chế độ bồi thường chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 73/2000/TTLT-BTCCBCP-BTC ngày 28/12/2000 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) - Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP ngày 18/10/2000 của Chính phủ về thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-TU ngày 05/5/2006 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 - 2010; Nghị quyết số 51/2006/NQ-HĐND ngày 10/10/2006 của HĐND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010; Nghị quyết số 54/2006/NQ-HĐND ngày 12/12/2006 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ năm 2007;

Căn cứ Thông báo số 177-TB/TU ngày 06/4/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 59/TT.HĐND ngày 20/4/2007 về chính sách khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 443/SNV ngày 08/5/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về chính sách khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng bắt đầu từ ngày 01/12/2006 cho đến khi Chính phủ có chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 07/2007/NQ-CP ngày 06/02/2007 của Chính phủ về việc quyết định từ ngày 01/01/2007 tiếp tục thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP ngày 18/10/2000 của Chính phủ và Nghị quyết số 09/2003/NQ-CP ngày 28/7/2003 của Chính phủ bổ sung Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài chính phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện Quyết định này. Trước mắt, đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP ngày 18/10/2000 của Chính phủ; phần chính sách của tỉnh hỗ trợ thêm cho các đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Quy định tạm thời này sẽ được giải quyết sau khi có sự thống nhất đồng ý bằng văn bản của Bộ Nội vụ hoặc của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH TẠM THỜI

**Về chính sách khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức
tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2007 của
UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế hưởng lương từ ngân sách Nhà nước và một phần ngân sách nhà nước đang làm việc tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội, Đoàn thể, trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở của tỉnh Quảng Ngãi.

Trước mắt tập trung ưu tiên cho cán bộ chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (dưới đây gọi chung là cấp xã); cán bộ, công chức công tác trong các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội, Đoàn thể; công chức hành chính và viên chức sự nghiệp thuộc ngành giáo dục, y tế và một số đối tượng có lý do đặc biệt khác thuộc các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác của tỉnh.

Đối tượng không áp dụng: Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu

1. Mục tiêu:

a) Có chế độ để khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội, Đoàn thể thuộc tỉnh quản lý tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc;

b) Có biên chế để bổ sung mới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo có hệ thống, phục vụ cho mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh.

2. Yêu cầu:

a) Đảm bảo sự ổn định trong hoạt động của cơ quan, đơn vị;

b) Đảm bảo các chế độ, chính sách của Nhà nước về nghỉ hưu, thôi việc;

c) Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc.

Điều 3. Điều kiện áp dụng

1. Đối với người nghỉ hưu trước tuổi:

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng quy định tại Điều 1, Quy định này có tuổi đời từ đủ 55 tuổi đến 59 tuổi 6 tháng đối với nam, từ đủ 50 tuổi đến 54 tuổi 6 tháng đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên (riêng đối với cán bộ chuyên trách cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức sau ngày 01/01/2007, có đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên và còn thiếu tối đa 5 năm thì mới đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi sẽ được trợ cấp tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho đủ 20 năm theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và được Bảo hiểm xã hội Việt Nam chấp thuận bằng văn bản thì mới thực hiện chế độ nghỉ hưu trước tuổi); phải có đủ các điều kiện sau đây thì mới được nghỉ hưu trước tuổi:

a) Có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi, được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản;

b) Suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên (có Biên bản giám định của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Quảng Ngãi).

2. Đối với những người nghỉ thôi việc:

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng quy định tại Điều 1, Quy định này phải có đủ các điều kiện sau đây thì mới được nghỉ thôi việc:

a) Có đơn tự nguyện xin nghỉ thôi việc, được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản;

b) Suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên (có Biên bản giám định của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Quảng Ngãi) mà chưa đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội.

Chương II

CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI, NGHỈ THÔI VIỆC

(Vận dụng theo Thông tư số 73/2000/TTLT-BTCCBCP-BTC ngày 28/12/2000 của Liên tịch Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ - Bộ Tài chính, hướng dẫn Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP ngày 18/10/2000 của Chính phủ và điều kiện thực tế của địa phương)

Điều 4. Chế độ trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội, Đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố có các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Quy định này khi giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi, ngoài việc được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, còn được tính trợ cấp thêm các khoản sau:

a) Cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) nghỉ hưu trước tuổi được vận dụng thực hiện mức trợ cấp theo Thông tư số 73/2000/TTLT-BTCCBCP-BTC, tính trợ cấp thêm 1,5

tháng lương (mức lương theo ngạch, bậc) và các khoản phụ cấp có đóng bảo hiểm xã hội hiện hưởng (nếu có) đối với số năm nghỉ hưu trước tuổi từ nguồn ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn ngân sách hàng năm.

Trường hợp người nghỉ hưu trước tuổi có số tháng lẻ (không đủ năm) thì được tính và hưởng 2 khoản trợ cấp như sau:

- Thứ nhất được tính và hưởng theo Thông tư số 73/2000/TTLT-BTCCBCP-BTC thì số tháng lẻ từ đủ 6 tháng trở xuống được trợ cấp 1 tháng lương và phụ cấp hiện hưởng (nếu có); số tháng lẻ trên 6 tháng được trợ cấp 2 tháng lương và phụ cấp hiện hưởng (nếu có).

- Thứ hai được tính số tháng lẻ từ 1 đến 11 tháng (được hưởng như nhau) được trợ cấp thêm 1,5 tháng lương và phụ cấp hiện hưởng (nếu có).

b) Vận dụng theo Thông tư số 73/2000/TTLT-BTCCBCP-BTC có thời gian công tác 20 năm đầu đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 05 tháng lương và phụ cấp hiện hưởng (nếu có). Sau đó cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội (tính theo nguyên tắc trên 6 tháng trở lên tính tròn 1 năm, dưới 6 tháng không tính) được tính trợ cấp 1/2 tháng lương và phụ cấp hiện hưởng (nếu có).

2. Đối với cán bộ chuyên trách cấp xã:

Cán bộ chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Bí thư, Phó Bí thư, Thường trực Đảng ủy; Trưởng các Hội, đoàn thể: Mặt trận, Cựu chiến binh, Phụ nữ, Nông dân, Đoàn thanh niên; có các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Quy định này ngoài việc được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, còn được tính trợ cấp như sau:

a) Cán bộ chuyên trách cấp xã có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên và đủ tuổi thực hiện chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo quy định này thì được hưởng trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi theo khoản 1, Điều 4 Quy định này.

b) Cán bộ chuyên trách cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ sau ngày 01/01/2007, có đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên và còn thiếu tối đa 5 năm thì mới đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi và được Bảo hiểm xã hội Việt Nam chấp thuận bằng văn bản thì mới được tính giải quyết các chế độ như sau:

- Được tính trợ cấp 20% tiền bảo hiểm xã hội hàng tháng theo mức lương trước khi thôi đảm nhiệm chức vụ để tiếp tục đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội đến khi đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội 20 năm.

- Cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi (không tính số tháng lẻ) được trợ cấp 4,5 tháng lương và phụ cấp hiện hưởng (nếu có) (trong đó 03 tháng tính vận dụng theo Thông tư số 73/2000/TTLT-BTCCBCP-BTC và 1,5 tháng tính trợ cấp thêm).

Điều 5. Chế độ trợ cấp nghỉ thôi việc

1. Cán bộ, công chức, viên chức có các điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3, Quy định này, khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định nghỉ thôi việc,

ngoài việc hưởng chế độ, chính sách theo Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị định số 54/2005/NĐ-CP ngày 19/4/2005 của Chính phủ về chế độ thôi việc, chế độ bồi thường chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức, còn được tính trợ cấp theo Thông tư số 73/2000/TTLT-BTCCBCP-BTC và thêm 01 tháng lương cho mỗi năm làm việc (kể cả năm có số tháng lẻ được tính tròn 1 năm) có đóng bảo hiểm xã hội (mức lương theo ngạch bậc và phụ cấp có đóng bảo hiểm xã hội hiện hưởng, nếu có).

2. Cán bộ chuyên trách cấp xã có các điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3, Quy định này, khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định nghỉ thôi việc, ngoài việc hưởng chế độ, chính sách theo Luật Bảo hiểm xã hội còn được tính trợ cấp thêm 02 tháng lương cho mỗi năm làm việc (kể cả năm có số tháng lẻ được tính tròn 1 năm) có đóng bảo hiểm xã hội (mức lương theo ngạch, bậc) và phụ cấp hiện hưởng (nếu có).

Chương III

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI, NGHỈ THÔI VIỆC VÀ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP KHÁC

Điều 6. Những đối tượng không được hưởng chế độ nghỉ hưu trước tuổi

1. Cán bộ, công chức, viên chức đã có Quyết định nghỉ hưu trước tuổi trước ngày 01/12/2006.
2. Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang trong thời gian xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 7. Những đối tượng không được hưởng chế độ nghỉ thôi việc

1. Cán bộ, công chức, viên chức đã có Quyết định nghỉ thôi việc.
2. Viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp của tỉnh được tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc sau ngày 01 tháng 7 năm 2003;
3. Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang trong thời gian xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự;
4. Cán bộ, công chức, viên chức đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.

Điều 8. Một số trường hợp khác

Cán bộ, công chức, viên chức có đủ tuổi đời và các điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Quy định này mà có thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu từ 01 tháng đến 12 tháng thì đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội để thực hiện chế độ nghỉ hưu trước tuổi. Nếu có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thì được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đóng tiếp cho đủ số năm đóng bảo hiểm xã hội và thực hiện chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo quy định này.

Chương IV

THỜI GIAN, THỦ TỤC, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI, NGHỈ THÔI VIỆC

Điều 9. Thời gian làm việc, mức lương tối thiểu để chi trả trợ cấp

1. Thời gian làm việc để tính hưởng chế độ trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc là thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội tại các cơ quan, đơn vị của Nhà nước, Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội, Đoàn thể trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

2. Mức lương tối thiểu để chi trả trợ cấp:

Áp dụng mức lương tối thiểu theo quy định hiện hành của Nhà nước tại thời điểm có quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ theo Quy định này.

Điều 10. Thủ tục

1. Đơn xin tự nguyện nghỉ hưởng chế độ theo Quy định này (nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc) của cá nhân;

2. Công văn đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; kèm theo Biên bản họp xét của tập thể lãnh đạo đơn vị.

3. Bản sao Sổ bảo hiểm xã hội (trong đó đã có xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của cơ quan bảo hiểm xã hội); Quyết định tuyển dụng (nếu nghỉ hưởng chế độ thôi việc) và Quyết định lương hiện hưởng;

4. Biên bản giám định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa tỉnh.

Điều 11. Kinh phí chi trả trợ cấp

Kinh phí trợ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc được thực hiện như sau:

1. Cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội, Đoàn thể do ngân sách Nhà nước cấp toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Do ngân sách tỉnh chi trả;

2. Đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên: Đơn vị sử dụng nguồn kinh phí hoạt động được cơ quan có thẩm quyền giao trong nguồn thu sự nghiệp theo quy định để chi trả trợ cấp, trường hợp không đủ thì ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm khoản chênh lệch nhưng tối đa không quá 50% (năm mươi phần trăm).

3. Đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Đơn vị sử dụng nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị để chi trả trợ cấp.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Phân công trách nhiệm

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức:

a) Rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có; trên cơ sở đó xác định số người không đủ sức khoẻ làm việc, không thể bố trí công tác, không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc có nhu cầu khác;

b) Tổ chức việc tuyên truyền, công khai các quy định về đối tượng, điều kiện, hồ sơ thủ tục để giải quyết chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định của UBND tỉnh; vận động cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị đủ các điều kiện theo quy định tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc;

c) Sau khi nhận được đơn xin tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc của cán bộ, công chức, viên chức, báo cáo cấp uỷ Đảng và phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp xem xét, đánh giá, nếu đủ các điều kiện theo quy định thì lập thủ tục đề nghị kèm theo danh sách, nhu cầu kinh phí trợ cấp nghỉ hưu, thôi việc cho cán bộ, công chức, viên chức gửi về cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp để xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho cán bộ, công chức, viên chức được quy định tại Điều 8, Quy định này.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố:

a) Tổ chức việc tuyên truyền, công khai các quy định về đối tượng, điều kiện, hồ sơ thủ tục để giải quyết chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định của UBND tỉnh; vận động cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị đủ các điều kiện theo quy định tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc;

b) Chịu trách nhiệm thẩm định các đối tượng tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc ở các cơ quan, đơn vị trực thuộc; tổng hợp danh sách và nhu cầu kinh phí trợ cấp nghỉ hưu, thôi việc cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Lập thủ tục đề nghị chi trả và quyết toán kinh phí chi trả chế độ trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định;

3. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Căn cứ điều kiện, đối tượng, chế độ trợ cấp theo Quy định này, hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố triển khai thực hiện;

b) Thẩm định và thoả thuận theo thẩm quyền được phân cấp các hồ sơ, danh sách đối tượng tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo đề nghị của Giám

đọc các Sở, Ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, để làm cơ sở cho các ngành, địa phương quyết định;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với các đối tượng thuộc diện UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quản lý;

d) Thường xuyên tổng hợp danh sách cán bộ, công chức, viên chức được nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Quy định này (đối với khối cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh) báo cáo để UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội đoàn thể do Ban Tổ chức Tỉnh uỷ căn cứ vào quy định này để thực hiện.

4. Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hàng năm tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kế hoạch ngân sách để thực hiện việc giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc cho các đối tượng theo Quy định này;

b) Hướng dẫn thủ tục, cấp phát, chi trả và thanh quyết toán kinh phí chi trả trợ cấp đối với người nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc.

c) Hàng năm tổng hợp kinh phí chi trả trợ cấp cán bộ, công chức, viên chức được nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc, báo cáo UBND tỉnh theo dõi để chỉ đạo.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế